

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST.
Ngày 01-4-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng;

Bà Trịnh Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U, tỉnh C tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/01/1992, tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh C; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam: Con ông Nguyễn Văn C và bà Cao Thị B1; anh chị em ruột 06 người, bị cáo có vợ và 01 có con; Tiền án: 01 tiền án (Về tội cưỡng đoạt tài sản bị Tòa án nhân dân huyện U Minh xử phạt 08 tháng 14 ngày tù theo Bản án số 03/2023/HS-ST ngày 09/01/2023, đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 09/01/2023 (trả tự do tại tòa)), tiền sự: không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam (Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: 1- Ông Lê Chí H, sinh năm: 20/11/1995;

Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh C.

2- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 09/9/1988;

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện U, tỉnh C.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/6/2024, Nguyễn Văn B đi lưới ghẹ ở vùng biển gần công Lung Ranh thuộc xã K, huyện U thì phát hiện phao đánh dấu vị trí đặt lú bát quái nên nảy sinh ý định trộm cắp lú bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, vì vậy, B ghi nhớ lại tọa độ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày B điều khiển vỏ composite mũi nhọn dài khoảng 09m, ngang khoảng 02m và máy nhãn hiệu Yanma 7hp đi đến vị trí phao phát hiện vào buổi chiều. Trên đường đi ra biển, chưa đến vị trí đã phát hiện thì B thấy có một phao neo lú nên tiến hành rà thử, phát hiện có lú. Bằng kéo lên đem về cất giấu trên vỏ của Nguyễn Văn T (anh ruột của B) đậu gần Công T29 thuộc ấp F, xã K sau đó tiếp tục quay ra biển đến vị trí phao phát hiện vào buổi chiều, B dùng dụng cụ rà lú kéo lên được 02 dây lú, tiếp đến Bằng chạy vỏ về Công T29 đậu gần vị trí vỏ cất giấu lú ban đầu. Sáng ngày 19/6/2024, B bán cho Dương Văn N 178 cái lú, trong tổng số 273 cái lú Bằng đã trộm được (do số lú này còn mới, những cái còn lại cũ nên không bán được), N đã trả tiền cho B nhưng chưa lấy lú thì đến ngày 21/8/2024 bị Công an phát hiện, thu giữ toàn bộ 273 cái lú. Qua kiểm tra, xác minh trong tổng số 273 cái lú Bằng trộm có: 36 cái lú của ông Nguyễn Văn Đ và 124 cái lú của ông Lê Chí H.

Theo Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 16/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện U kết luận: 36 cái lú của ông Đ tại thời điểm định giá ngày 18/6/2024 có giá 7.776.000 đồng; Theo Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 16/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện U kết luận tại thời điểm định giá ngày 18/6/2024, 124 cái lú của ông H có giá tổng cộng 26.784.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Bằng đã trộm của ông Đ và ông H là: 34.560.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 móc sắt có đặc điểm: T1 sắt dài 0,35m, có 04 mẫu, mỗi mẫu dài 0,14m, dây sắt dài 1,28m, dây sập dài 15,4m được hàn, cột lại với nhau.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U đã trả 36 cái lú lại cho ông Đ và 124 cái lú cho ông H.

Còn lại 113 cái lú trong đó có: 53 cái lú có đặc điểm tương tự lú bị mất của Nguyễn Văn M, hiện nay M từ chối nhận lại tài sản này. 15 cái lú có đặc điểm tương tự lú bị mất của Dương Chí L và 45 cái lú chưa xác định được bị hại. Hiện tại, Cơ quan điều tra đang tạm giữ số lú trên để tiếp tục làm rõ theo quy định.

Về trách nhiệm hình sự: Các bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo B đồng ý bồi thường cho ông H thiệt hại theo yêu cầu là 10.000.000 đồng.

Về phần dân sự: Bị hại Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Bằng bồi thường thiệt hại do đã nhận được số tiền bồi thường 3.500.000 đồng. Bị hại Lê Chí H đã nhận được số tiền để sửa chữa lú là 3.500.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, ông H yêu cầu bị cáo B bồi thường 10.000.000 đồng tiền mất thu nhập trong thời gian bị mất lú. Tại phiên tòa, bị cáo B đồng ý bồi thường cho ông H thiệt hại theo

yêu cầu là 10.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn B từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng là 01 móc sắt hiện do Chi cục thi hành án quản lý; Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của bị hại H về bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn B khai nhận: bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng với hành vi thực tế bị cáo đã thực hiện.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về lo cha mẹ, vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cũng như người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng và thừa nhận lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do bị cáo tự khai báo, không bị ép buộc hay bị một tác động nào buộc bị cáo khai, do đó, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu cơ quan điều tra thu thập là chứng cứ. Các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 19 giờ ngày 18/6/2024, tại vùng biển Tây thuộc xã K, huyện U, tỉnh C, Nguyễn Văn B có hành vi trộm 36 cái lú bát quái của ông Nguyễn Văn Đ và 124 cái lú bát quái của ông Lê Chí H, tổng cộng là 160 cái lú. Tổng tài sản Bằng lấy trộm của ông Đ và ông H có giá trị theo định giá tổng cộng là 34.560.000 đồng.

[3] Xét thấy, bị cáo đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, giá trị tài

sản bị cáo trộm được xác định là 34.560.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh truy tố bị cáo B về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ.

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã bồi thường cho các bị hại tiền sửa lú là 7.000.000 đồng, bị cáo có cha ruột là người có công cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, gây hoang mang, mất lòng tin trong nhân dân nhất là đối với cư dân hành nghề đánh bắt bằng lú trên biển, nên cần có một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội 1 thời gian để bị cáo được giáo dục trở thành công dân biết chấp hành pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

Đối với Dương Văn N quá trình điều tra xác định N không biết nguồn gốc lú bắt quái B bán cho N là do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện U không xử lý là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn T quá trình điều tra xác định 01 chiếc vỏ mà B dùng để chạy ra biển trộm lú và 01 chiếc vỏ Bằng dùng để cất giấu lú trộm được là của T, T không biết việc B sử dụng phương tiện của mình để trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với T là có căn cứ.

Đối với số lú còn lại có đặc điểm của ông M và ông L Cơ quan điều tra đang tiếp tục xử lý nên không xem xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đồng ý bồi thường cho ông H tiền mất thu nhập 10.000.000 đồng theo yêu cầu của ông H, là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Buộc bị cáo bồi thường cho ông Lê Chí H số tiền 10.000.000 đồng.

[5] Vật chứng vụ án: 01 móc sắt có đặc điểm: T1 sắt dài 0,35m, có 04 mấu, mỗi mấu dài 0,14m, dây sắt dài 1,28m, dây sập dài 15,4m được hàn, cột lại với nhau, B sử dụng để trộm lú, xét thấy có giá trị không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Các đề nghị của Kiểm sát viên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 568 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội trộm cắp tài sản.

- Xử phạt: Nguyễn Văn B 02 (hai) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho Lê Chí H số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- Vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 móc sắt có đặc điểm: T1 sắt dài 0,35m, có 04 mấu, mỗi mấu dài 0,14m, dây sắt dài 1,28m, dây sập dài 15,4m được hàn, cột lại với nhau, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 12/QĐVKS ngày 26/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U, tỉnh C và biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U và Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo B phải chịu 500.000 (năm trăm ngàn) đồng.

- Bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- VKSND huyện U, tỉnh C;
- Phân trại tạm giam khu vực U;
- Chi cục THA DS H.U Minh, tỉnh C;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh C;
- Cơ quan THA HS Công an tỉnh C.
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Việt Hằng